

Số: 17 /2018/QĐST - HNGĐ

Sơn Động, ngày 08 tháng 02 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ dân sự thụ lý số: 07/2018/TLST- HNGĐ, ngày 15 tháng 01 năm 2018, giữa:

- Nguyên đơn : Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn A, xã A, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn : Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn T, xã Y, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, do ông Thân Văn T, chức vụ Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện S đại diện theo ủy quyền.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào Điều 55, 81, 83, 85 - Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 01 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 01 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn Đ.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung; Giao cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tiến M, sinh ngày 08/10/2015; anh Đ có quyền thăm con sau khi ly hôn, không ai được cản trở quyền này của anh Đ.

Anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con là 800.000đ (tám trăm nghìn đồng)/tháng cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 02/2018.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất 10%/năm (các bên không thỏa thuận được về lãi suất) tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2.2. Về tài sản: Đình chỉ giải quyết về phần tài sản.

2.3 Về án phí: Áp dụng Điều 147 - Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016, quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Chị Nguyễn Thị H chịu 75.000đ án phí DSST ly hôn, anh Đ chịu 75.000đ án phí DSST ly hôn và 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con. Chị H đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai số: AA/2010/ 006878, ngày 15 tháng 01 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Động, được khấu trừ vào tiền án phí 75.000đ; hoàn trả chị H 225.000đ tiền tạm ứng án phí DSST.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND huyện Sơn Động;
- Chi cục THADS huyện Sơn Động;
- Các đương sự;
- UBND xã Y.
- Lưu HS, AV.

THẨM PHÁN

Trần Văn Toàn